


## CHƯƠNG 4: THUẾ QUAN



---

---

---


---

---

---

---

---



### Nội dung chính

- 1. Khái niệm và các loại thuế quan
- 2. Đo lường mức độ của thuế quan
- 3. Phân tích tác động của thuế quan trong trường hợp nước nhỏ
- 4. Phân tích tác động của thuế quan trong trường hợp nước lớn
- 5. Tỷ lệ bảo hộ hiệu quả với nhiều yếu tố đầu vào
- 6. Thuế quan tối ưu

---

---

---


---

---

---

---

---



### KHÁI NIỆM VÀ PHÂN LOẠI THUẾ QUAN

---

---

---

---

---

---

---

---

## Khái niệm thuế quan

- ❖ Thuế quan:
  - Thuế đánh vào mỗi đơn vị hàng hoá xuất khẩu hay nhập khẩu của một quốc gia.
  - Thuế đánh vào hàng hóa tại biên giới khi hàng hóa đi từ một lãnh thổ hải quan này (thông thường là một nước) sang lãnh thổ hải quan khác
  - Thuế đánh vào hàng hóa khi nó được vận chuyển xuyên qua biên giới quốc gia
- ❖ Chú ý: Thuế quan
  - Gồm cả thuế nhập khẩu và thuế xuất khẩu
  - Là thuế gián thu
  - Giảm sự cạnh tranh của hàng hoá xuất nhập khẩu

- 
- 
- 
- 
- 
- 

5

## Phân loại thuế quan

```

graph TD
    A[Thuế quan] --> B[Đối tượng chịu thuế]
    A --> C[Mục đích đánh thuế]
    A --> D[Phương pháp đánh thuế]
    B --> B1[Thuế XK]
    B --> B2[Thuế NK]
    B --> B3[Thuế quá cảnh]
    C --> C1[Thuế bảo hộ]
    C --> C2[Thuế đưu]
    D --> D1[Thuế số lượng]
    D --> D2[Thuế giá trị]
    D --> D3[Thuế hỗn hợp]
  
```

The diagram illustrates the classification of Customs Tax (Thuế quan) into three primary categories:

- Đối tượng chịu thuế (Taxable Objects):**
  - Thuế XK (Export Tax)
  - Thuế NK (Import Tax)
  - Thuế quá cảnh (Transit Tax)
- Mục đích đánh thuế (Tax Purpose):**
  - Thuế bảo hộ (Protective Tax)
  - Thuế đưu (Drawback Tax)
- Phương pháp đánh thuế (Tax Method):**
  - Thuế số lượng (Specific Duty)
  - Thuế giá trị (Ad Valorem Duty)
  - Thuế hỗn hợp (Compound Duty)



6

## Phân loại thuế quan

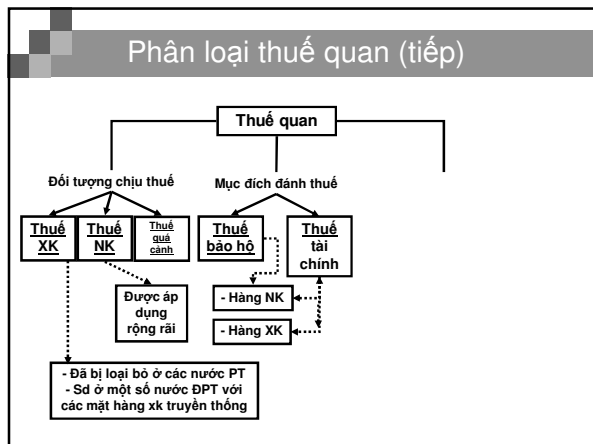
```

graph TD
    A[Thuế quan] --> B[Đối tượng chịu thuế]
    A --> C["• Mục đích sử dụng thuế nhập khẩu  
• Giảm nhập khẩu  
• Bảo hộ  
• Chống bán phá giá  
• Tra đũa"]
    A --> D["• Mục đích sử dụng thuế xuất khẩu  
• Giảm xuất khẩu  
• Bảo vệ tài nguyên và môi trường  
• Trong những trường hợp đặc biệt"]
    B --> E["Thuế XK  
Được áp dụng rộng rãi"]
    B --> F["Thuế NK"]
    B --> G["Thuế quá cảnh"]
    E -.-> H["- Đã bị loại bỏ ở các nước PT  
- Sd ở một số nước ĐPT với các mặt hàng xk truyền thống"]
  
```

The diagram illustrates the classification of taxes. It starts with a central box 'Thuế quan' (Customs Tax). This box branches into three main categories:

- Đối tượng chịu thuế** (Taxable Object): This category further branches into three sub-categories:
  - Thuế XK** (Export Tax): This category is linked to a box stating it has been abolished in developed countries and is only used in some developing countries for traditional export goods.
  - Thuế NK** (Import Tax)
  - Thuế quá cảnh** (Through Tax)
- Mục đích sử dụng thuế nhập khẩu** (Purpose of Import Tax): This category includes:
  - Giảm nhập khẩu (Reduce imports)
  - Bảo hộ (Protection)
  - Chống bán phá giá (Anti-dumping)
  - Tra đũa (Retaliation)
- Mục đích sử dụng thuế xuất khẩu** (Purpose of Export Tax): This category includes:
  - Giảm xuất khẩu (Reduce exports)
  - Bảo vệ tài nguyên và môi trường (Protect resources and environment)
  - Trong những trường hợp đặc biệt (In special cases)






---

---

---

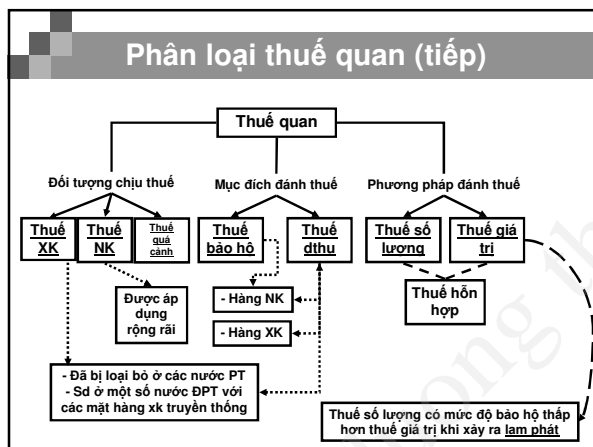
---

---

---

---

---




---

---

---

---

---

---

---

---

### Phân loại thuế quan (tiếp)

❖ Thuế giá trị (Ad valorem tariffs)

- Đánh dựa trên giá trị của hàng hóa xuất nhập khẩu (%)
- Hầu hết các quốc gia trên thế giới sử dụng
- Thuế/đơn vị = giá/đơn vị \* thuế suất
- Tổng thuế = giá/đơn vị \* lượng hàng hóa \* thuế suất
- Phụ thuộc vào giá cả hàng hóa trên thị trường
- 

---

---

---

---

---

---

---

---

### Phân loại thuế quan (tiếp)

#### ❖ Thuế số lượng - Thuế đặc định - Thuế tuyệt đối (Specific tariffs)

- Đánh dựa trên đơn vị vật chất của hàng hóa xuất nhập khẩu (số lượng, khối lượng, thể tích...)
- VD: USD 100/m<sup>3</sup>, USD 2/tấn...
- Tổng thuế = lượng hàng hóa \* thuế suất
- Không phụ thuộc vào giá cả hàng hóa trên thị trường, đơn giản, dễ tính

---

---

---

---

---

---

---

### Phân loại thuế quan (tiếp)

#### ❖ Thuế số lượng - Thuế đặc định (Specific tariffs)

- Ít minh bạch hơn, gây ra bóp méo nhiều hơn với giá cả hàng hóa và ít ổn định.
- Đánh thuế số lượng làm thay đổi giá tương đối giữa các hàng hóa.
- Thuế tuyệt đối không bảo đảm bảo vệ các nhà sản xuất nội địa trong trường hợp lạm phát.
- Có thể quy đổi thành thuế giá trị tương đương (AVE: Ad valorem equivalent)

---

---

---

---

---

---

---

### Phân loại thuế quan (tiếp)

#### ❖ Thuế hỗn hợp (Compound tariffs)

- Kết hợp thuế giá trị và thuế số lượng
- VD: Mỹ đánh thuế vào sôcôla là 4,3% và USD 528/tấn (HS 18.06.32.08)

---

---

---

---

---

---

---

#### Phân loại thuế quan – Một số loại thuế đặc biệt

##### ❖ Chế độ ưu đãi thuế quan phổ cập – GSP

- ❖ Các nước công nghiệp phát triển áp dụng chế độ ưu đãi về thuế đối với các mặt hàng nhập khẩu từ các nước chậm và đang phát triển

##### ❖ Thuế tối huệ quốc – Thuế MFN

- ❖ Mức thuế dành cho các nước có quan hệ thương mại bình thường: thành viên WTO hoặc ký hiệp định thương mại song phương
- ❖ Mỹ: Đồ chơi trẻ em nếu áp dụng thuế MFN là 7.4%, thuế thông thường là 38%

#### Phân loại thuế quan – Một số loại thuế đặc biệt (tiếp)

##### ❖ Thuế theo hạn ngạch:

- Hàng hóa nhập khẩu nằm trong phạm vi hạn ngạch cho phép được hưởng mức thuế thấp hơn, trong khi đó hàng nhập vượt quá hạn ngạch phải chịu mức thuế cao hơn nhiều và có hệ quả như cấm nhập khẩu.

##### ❖ Thuế theo thời vụ

- Mức thuế thay đổi theo thời vụ trong năm

##### ❖ Thuế leo thang

- Hàng có mức độ chế biến càng cao thì thuế suất nhập khẩu càng cao.
- Leo thang thuế quan rất phổ biến tại nhiều quốc gia.

#### Thuế suất thuế nhập khẩu của Việt Nam

##### ❖ Thuế suất ưu đãi:

- ❖ Áp dụng với hàng hóa nhập khẩu có xuất xứ từ nước, nhóm nước hoặc vùng lãnh thổ thực hiện MFN trong quan hệ thương mại với VN

##### ❖ Thuế suất ưu đãi đặc biệt

- ❖ áp dụng với hàng hóa nhập khẩu có xuất xứ từ nước, nhóm nước hoặc vùng lãnh thổ thực hiện ưu đãi đặc biệt về thuế nhập khẩu với Việt Nam theo thể chế FTA, CU...
- ❖ Điều kiện để được áp dụng thuế suất ưu đãi đặc biệt:
  - ❖ Hàng hóa có C/O từ nước, nhóm nước hoặc vùng lãnh thổ đã có thoả thuận ưu đãi đặc biệt về thuế nhập khẩu với Việt Nam
  - ❖ cụ thể trong thoả thuận và phải đáp ứng đủ các điều kiện đã ghi trong thoả thuận
  - ❖ C/O phải phù hợp với qui định của pháp luật hiện hành về xuất xứ hàng hóa

### Thuế suất thuế nhập khẩu của Việt Nam (tiếp)

#### ❖ Thuế suất thông thường

❖ Áp dụng với hàng hóa nhập khẩu có xuất xứ từ nước, nhóm nước hoặc vùng lãnh thổ không thực hiện MFN và không thực hiện ưu đãi đặc biệt về thuế nk với Việt Nam.

❖ Thuế suất thông thường = thuế ưu đãi \* 150%

#### ❖ Thuế suất theoCEPT

❖ Thuế suất áp dụng cho 10 nước ASEAN theo chương trình CEPF

### ĐO LƯỜNG MỨC ĐỘ CỦA THUẾ QUAN

### Tỷ lệ thuế quan trung bình không cân đo ( $R_1$ )

Mặt hàng	A	B	C
Thuế suất (%)	10	15	20
Giá trị NK (nghìn \$)	500	200	100

❖  $R_1 = (10 + 15 + 20)/3 = 15\%$

❖ Trung bình cộng của các mức thuế của tất cả các hàng hóa nhập khẩu

❖ Không tính toán đến tầm quan trọng của hàng hóa nhập khẩu

❖ Không phản ánh được chính xác mức thuế trung bình mà quốc gia áp dụng

### Tỷ lệ thuế quan trung bình cân đo ( $R_2$ )

Mặt hàng	A	B	C
Thuế suất (%)	10	15	20
Giá trị NK (nghìn \$)	500	200	100

❖  $R_2 = (10 \times 500 + 15 \times 200 + 20 \times 100) / (500 + 200 + 100) = 12.5\%$

### TÁC ĐỘNG CỦA THUẾ QUAN NHẬP KHẨU

### Đường cung xuất khẩu và đường cầu nhập khẩu

#### ❖ Đường cầu nhập khẩu của QG 1

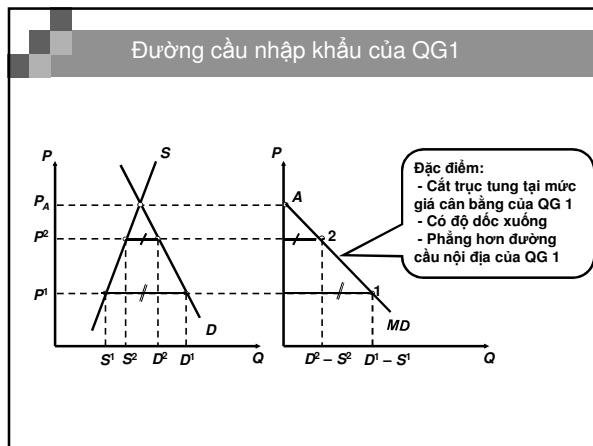
❖ Thể hiện số lượng nhập khẩu tối đa mà QG 1 mong muốn tại mỗi mức giá nhập khẩu

❖  $MD = D_P - S_P$

#### ❖ Đường cung xuất khẩu của QG 2

❖ Thể hiện số lượng xuất khẩu tối đa mà QG 2 mong muốn tại mỗi mức giá xuất khẩu

❖  $XS = S_{P^*}^* - D_{P^*}^*$




---

---

---

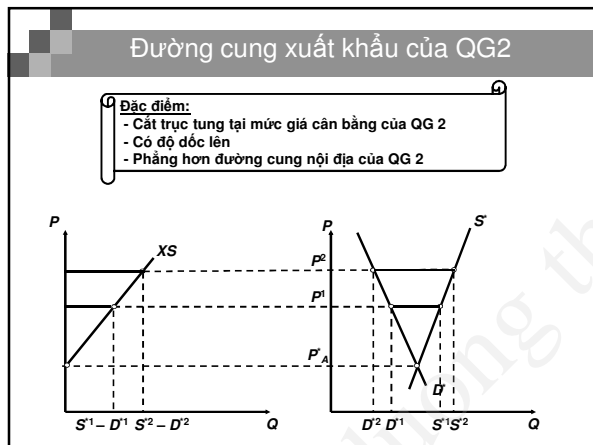
---

---

---

---

---




---

---

---

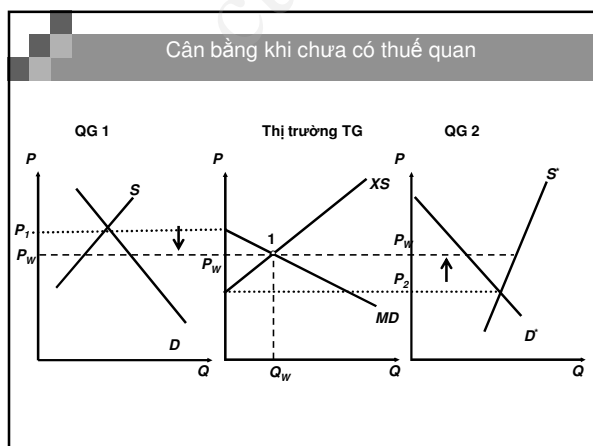
---

---

---

---

---




---

---

---

---

---

---

---

---



### Cân bằng khi chưa có thuế quan (tiếp)

- ❖ Không có thương mại
  - ❖ Mức giá cân bằng của hàng hóa X tại QG 1 lớn hơn mức giá cân bằng của hàng hóa X tại QG 2
  - ❖ Hàng hóa X sẽ được di chuyển từ QG 2 sang QG 1.
- ❖ Khi có thương mại
  - ❖ Giá tăng ở QG 2
  - ❖ Giá giảm ở QG 1
  - ❖ Không còn sự khác biệt về giá giữa 2 QG.

---

---

---

---

---

---

---

### Tác động của thuế quan nhập khẩu trong trường hợp nước nhỏ

---

---

---

---

---

---

---

### Giả định

- ❖ Nước nhỏ
  - Thuế quan không ảnh hưởng đến giá thế giới
  - Chấp nhận giá
- ❖ Ngành bị đánh thuế là ngành nhỏ
  - Thuế không ảnh hưởng đến các ngành khác trong nền kinh tế

---

---

---

---

---

---

---

### Tác động của thuế nhập khẩu trong trường hợp nước nhỏ

❖ Quốc gia nhập khẩu nhỏ không có ảnh hưởng đến giá thế giới vì nhu cầu nhập khẩu của quốc gia chỉ là một phần nhỏ trong tổng nhu cầu thế giới.

- Giá của nước xuất khẩu không thay đổi, vẫn ở mức  $P_w$
- Giá của nước nhập khẩu sẽ tăng lên  $P_T = P_w + t$

Vũ Thanh Hương

---

---

---

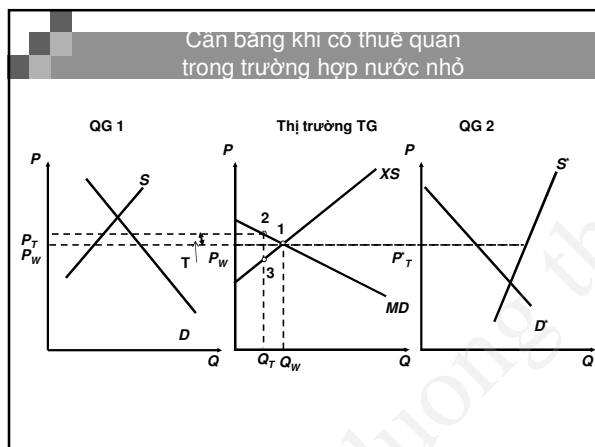
---

---

---

---

---




---

---

---

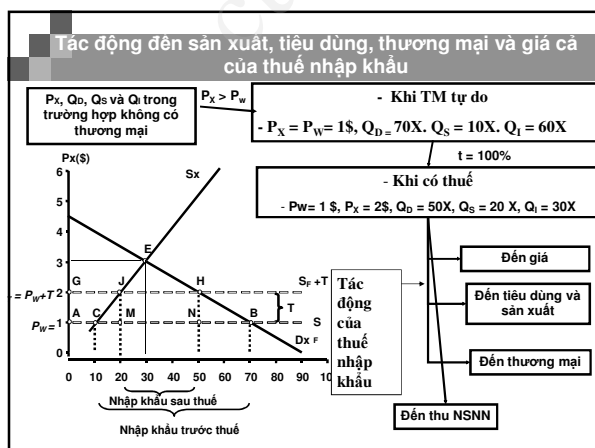
---

---

---

---

---




---

---

---

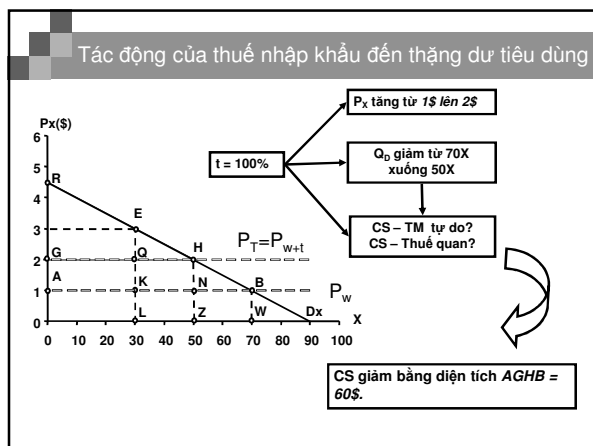
---

---

---

---

---




---

---

---

---

---

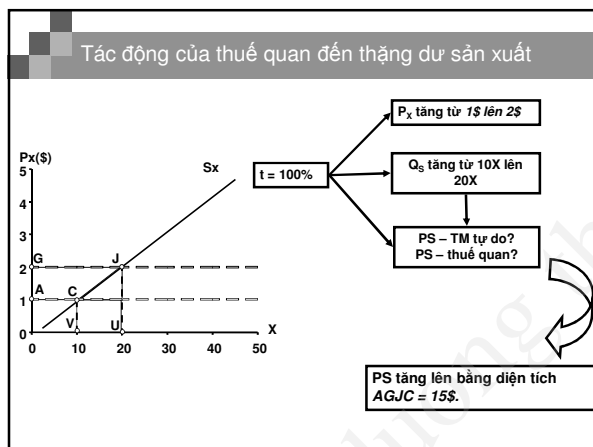
---

---

---

---

---




---

---

---

---

---

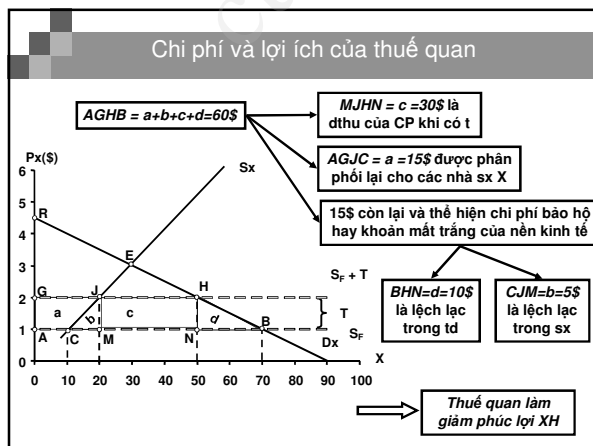
---

---

---

---

---




---

---

---

---

---

---

---

---

---

---

### Tác động của thuế nhập khẩu trong trường hợp nước nhỏ

❖ Quốc gia nhập khẩu nhỏ không có ảnh hưởng đến giá thế giới vì nhu cầu nhập khẩu của quốc gia chỉ là một phần nhỏ trong tổng nhu cầu thế giới.

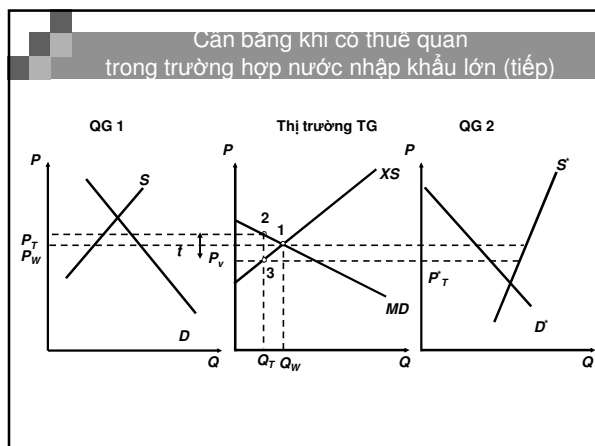
- Giá của nước xuất khẩu không thay đổi, vẫn ở mức  $P_w$
- Giá của nước nhập khẩu sẽ tăng lên  $P_T = P_w + T$
- CS giảm
- PS tăng
- Thu thuế tăng
- Giảm phúc lợi xã hội (b+d)

Vũ Thanh Hương

### Tác động của thuế quan nhập khẩu trong trường hợp nước lớn

### Cân bằng khi có thuế quan trong trường hợp nước nhập khẩu lớn (tiếp)

- ❖ Quốc gia nhập khẩu lớn sẽ ảnh hưởng đến giá thế giới
- ❖ Giá hàng hóa ở nước nhập khẩu tăng lên  $P_T$
- ❖ Giá hàng hóa ở nước xuất khẩu giảm xuống  $P_T^*$
- ❖ Sự tăng lên của giá hàng hóa ở nước nhập khẩu nhỏ hơn mức thuế nhập khẩu
  - $P_T - P_T^* = t$
  - $P_T = P_T^* + t$
- ❖ Lượng nhập khẩu hàng hóa X giảm




---

---

---

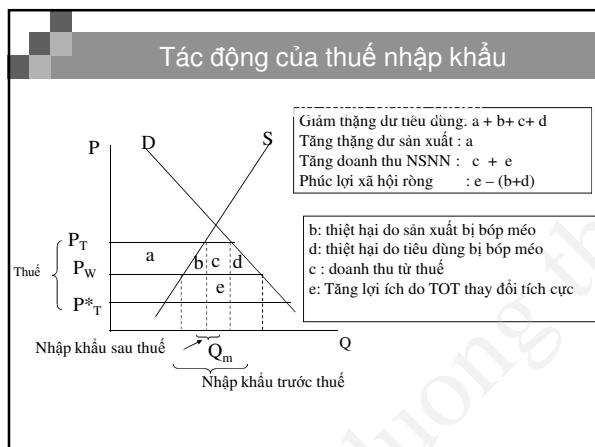
---

---

---

---

---




---

---

---

---

---

---

---

---

**TỶ LỆ BẢO HỘ HIỆU QUẢ  
VỚI NHIỀU YẾU TỐ ĐẦU VÀO**

---

---

---

---

---

---

---

---

**Tỷ lệ bảo hộ hiệu quả - EPR**

❖ Tỷ lệ bảo hộ hiệu quả:

- Là tỷ lệ % giữa giá trị gia tăng của hàng hóa dưới sự bảo hộ trừ đi giá trị bổ sung khi thương mại tự do mà ngành sản xuất nội địa tạo ra khi sản xuất mặt hàng đó trong điều kiện thương mại tự do.

$$ERP = \frac{V_i' - V_i}{V_i}$$

- ERP: tỷ lệ bảo hộ hiệu quả
- $V_i'$ : giá trị gia tăng khi áp dụng thuế quan
- $V_i$ : giá trị gia tăng khi thương mại tự do

---

---

---

---

---

---

---

---

**Tỷ lệ bảo hộ hiệu quả - EPR (tiếp)**

❖ **Ví dụ:**

- Giá của áo sơ mi khi thương mại tự do: \$100
- Giá len nhập khẩu : \$ 80
- Thuế danh nghĩa: 10%
- Tính ERP và so sánh với thuế danh nghĩa?

---

---

---

---

---

---

---

---

**Tỷ lệ bảo hộ hiệu quả (tiếp)**

Giá trị len nhập khẩu để sx 1 cái áo là 80\$

⊕

TM tự do, giá của một cái áo là 100 \$

↓ t = 10\$

giá áo trên thị trường nội địa là 110 \$

tỷ lệ thuế quan hiệu quả được tính dựa trên giá trị nội địa tăng thêm của cái áo là 10\$/20\$ = 50%

↕

tỷ lệ thuế quan danh nghĩa được tính dựa trên giá của hàng hóa cuối cùng là 10\$/100\$ = 10%

→ 80\$ là giá trị len nhập khẩu

→ 20 \$ là phần giá trị nội địa tăng thêm  $V_i$

→ 10\$ thể hiện thuế quan

30\$ thể hiện giá trị tăng thêm khi có thuế  $V_i'$

---

---

---

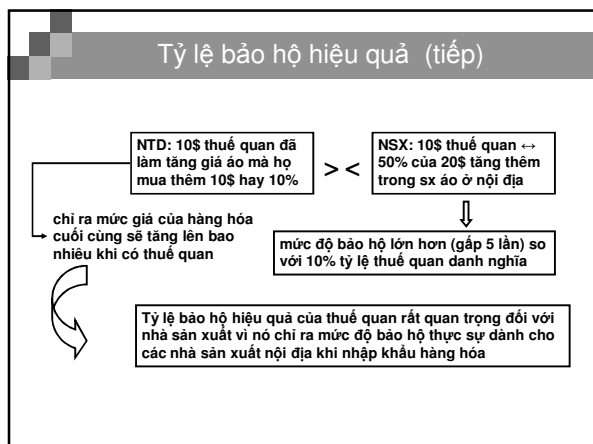
---

---

---

---

---




---

---

---

---

---

---

---

---

**Tỷ lệ bảo hộ hiệu quả - EPR (tiếp)**

❖ Tỷ lệ bảo hộ hiệu quả:

- Là tỷ lệ % giữa thuế nhập khẩu danh nghĩa và giá trị nội địa tăng thêm.
- 

$$ERP = \frac{V_i' - V_i}{V_i} = \frac{t}{P - C}$$

- ERP: tỷ lệ bảo hộ hiệu quả

- t: thuế quan danh nghĩa/ 1 đơn vị sản phẩm

- P: giá của hàng hóa cuối cùng

- C: chi phí của việc nhập khẩu các YTSX

---

---

---

---

---

---

---

---

**Tỷ lệ bảo hộ hiệu quả (tiếp)**

$$ERP = \frac{t - a_i t_i}{1 - a_i} (1)$$

Trong đó:

- ERP: tỷ lệ bảo hộ hiệu quả đối với nhà sx H cuối cùng
- t: tỷ lệ thuế quan danh nghĩa đối với NTD H cuối cùng
- a<sub>i</sub>: tỷ lệ giữa chi phí của các yếu tố đầu vào nhập khẩu và giá của hàng hóa cuối cùng khi không có thuế quan
- t<sub>i</sub>: tỷ lệ thuế quan danh nghĩa đánh vào yếu tố đầu vào nhập khẩu

---

---

---

---

---

---

---

---

### Tỷ lệ bảo hộ hiệu quả (tiếp)

Trong ví dụ nêu trên,  $t = 10\%$  hay  $0,1$ ,  $a_i = 0,8$  và  $t_i = 0$

$$ERP = \frac{0,1 - 0,8 \cdot 0}{1 - 0,8} = \frac{0,1}{0,2} = 0,5 = 50\%$$

Nếu áp dụng thuế nhập khẩu 5% đối với các yếu tố đầu vào (nghĩa là  $t_i = 0,05$ ) thì

$$ERP = \frac{0,1 - 0,8 \cdot 0,05}{1 - 0,8} = \frac{0,1 - 0,04}{0,2} = \frac{0,06}{0,2} = 0,3 = 30\%$$

Nếu  $t_i = 10\%$ ,  $ERP = \frac{0,1 - 0,8 \cdot 0,1}{1 - 0,8} = \frac{0,1 - 0,08}{0,2} = \frac{0,02}{0,2} = 0,1 = 10\%$

Với  $t_i = 20\%$ ,  $ERP = \frac{0,1 - 0,8 \cdot 0,2}{1 - 0,8} = \frac{0,1 - 0,16}{0,2} = \frac{-0,06}{0,2} = -0,3 = -30\%$

### Tỷ lệ bảo hộ hiệu quả (tiếp)

- ❖ Thuế danh nghĩa không thể hiện được tỷ lệ bảo hộ thực sự cho các nhà sản xuất nội địa khi sản xuất hàng hóa thay thế nhập khẩu.
- ❖ Các nước công nghiệp đều có cơ cấu thuế quan leo thang với  $t$  rất thấp hay bằng 0 đối với nguyên liệu thô và tỷ lệ ngày càng cao trong quá trình sản xuất (xem trường hợp 3)  
 → tỷ lệ bảo hộ hiệu quả cao hơn tỷ lệ thuế quan danh nghĩa

### Tỷ lệ bảo hộ hiệu quả với nhiều yếu tố đầu vào (tiếp)

Hàng hóa	Áo len	Len	Kim đan
Mức giá khi thương mại tự do (USD)	100	60	10
Thuế nhập khẩu (%)	20	20	30
Mức giá sau thuế (USD)	120	72	13

- ❖ Giá trị bổ sung của áo len khi thương mại tự do là: 30 USD
- ❖ Giá trị bổ sung của áo len dưới sự bảo hộ là 35 USD
- ❖ Tỷ lệ thuế quan danh nghĩa đối với áo len là 20%
- ❖ Tỷ lệ bảo hộ hiệu quả đối với áo len là  $16,67\% = (35 - 30) / 30$



## THUẾ QUAN TỐI ƯU

---

---

---

---

---

---

---

### Khái niệm

- ❖ Thuế quan tối ưu
  - Tỷ lệ thuế quan tối đa hóa lợi nhuận ròng bằng cách cải thiện tỷ lệ trao đổi chống lại sự giảm của khối lượng thương mại.
- ❖ Khi TM tự do, nếu QG tăng tỷ lệ thuế quan thì phúc lợi của QG này sẽ tăng lên đến mức tối đa (thuế quan tối ưu).
- ❖ Sau đó, phúc lợi của QG sẽ giảm dần khi tỷ lệ thuế quan tiếp tục tăng lên vượt quá mức tối ưu → QG sẽ quay trở lại điểm tự cấp tự túc với một mức thuế quan cảm đoán.

---

---

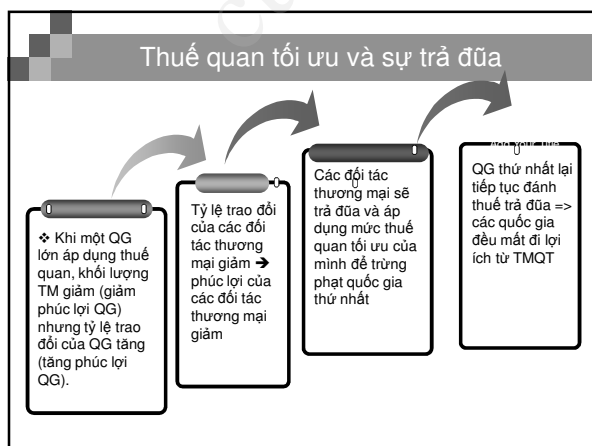
---

---

---

---

---



---

---

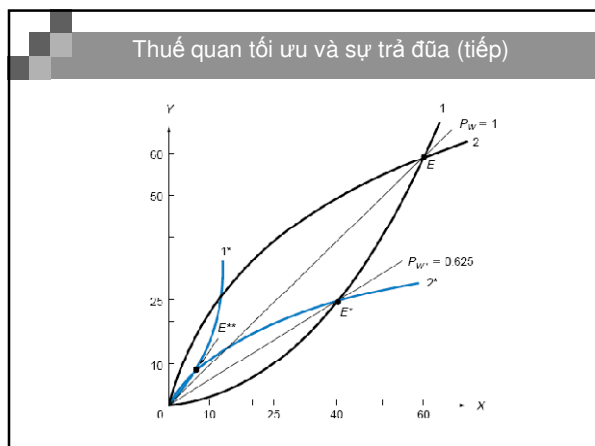
---

---

---

---

---




---

---

---

---

---

---

---

---




---

---

---

---

---

---

---

---